| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 745/2019/QĐST-HNGĐ | *Củ Chi, ngày 10 tháng 7 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 896/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 497 đường Đỗ Đăng Tuyển, tổ 6, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Võ Minh S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Gi, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2001. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông S là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, bà Th và ông S nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Th và ông S đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc Tr, sinh ngày 05/8/2001. Bà Th và ông S thỏa thuận giao trẻ Tr cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận nuôi con chung của bà Th và ông S là tự nguyện, không trái quy định pháp luật do đó Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S xác định không có, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cụ thể bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyển số 01/2001 ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc Tr , sinh ngày 05/8/2001. Giao con chung tên Trâm cho bà Đoàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc không yêu cầu ông Võ Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng ), cụ thể bà Đoàn Thị Th và ông Võ Minh S mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Th và ông S đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồn g) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0022294 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà Th và ông S đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Tr, huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Quang Định**